

**Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May
Việt Nam**

CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

TIẾP NHẬN HỒ SƠ HÀNH CHÍNH THUẾ

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ
ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người nhận:

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép thành lập và hoạt động số 255/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 16 tháng 11 năm 2010.

Đăng ký kinh doanh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0301516782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2010.

Hội đồng Quản trị	Ông Ưông Tiến Thịnh Bà Dương Hồng Loan Ông Nguyễn Đăng Lợi Nguyễn Hương Loan Phùng Duy Khương	Chủ tịch Phó chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên
--------------------------	---	---

Ban Điều hành	Ông Nguyễn Đăng Lợi Bà Trần Thị Liên Hương Bà Phạm Thị Thu Thủy	Tổng giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
----------------------	---	---

Trụ sở đăng ký Số 169-171 Phố Chùa Láng
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo được Ban Lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 4 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Lãnh đạo Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý liên quan.

Vấn đề lưu ý

Mặc dù không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh 2(a) của báo cáo tài chính. Mặc dù Công ty được chuyển đổi sang công ty cổ phần từ Công ty Tài chính Dệt May, một công ty 100% vốn Nhà nước, theo Quy định tại Thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Thông tư 106"), báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Công ty được thành lập như là một doanh nghiệp mới. Theo đó, các tài sản và nợ phải trả của Công ty Tài chính Dệt May chuyển sang được ghi nhận là giao dịch phát sinh ngay đầu kỳ kế toán ban đầu ghi nhận theo giá trị sổ sách phản ánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Công ty Tài chính Dệt May. Các giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 đã bao gồm những điều chỉnh để ghi nhận các khoản chênh lệch từ việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa do một đơn vị tư vấn định giá độc lập thực hiện và được phê duyệt theo Quyết định số 48/QĐ-TĐDMVN ngày 10 tháng 2 năm 2010 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Phần giá trị tài sản thuần của Công ty Tài chính Dệt May không tính vào phần vốn Nhà nước góp vào Công ty được ghi nhận là khoản phải trả Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính này, việc quyết toán cổ phần hóa chưa hoàn tất. Do vậy, các điều chỉnh có thể phát sinh từ việc quyết toán cổ phần hóa của Công ty hiện nay chưa được xác định.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

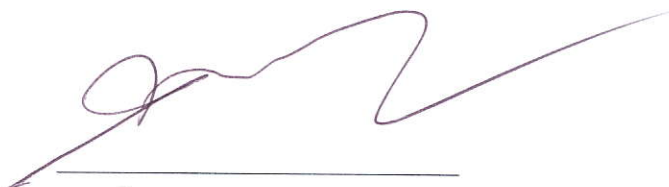
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo Kiểm toán số: 10-02-274



Điền Anh Quân
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0306/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-04-2011



Nguyễn Thùy Dương
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV

		Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ
A	TÀI SẢN		
I	Tiền mặt, vàng, bạc, đá quý	3	281.335.043
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	210.518.925
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	5	368.531.719.048
VI	Cho vay khách hàng		385.572.963.305
1	Cho vay khách hàng	6	389.443.737.644
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	7	(3.870.774.339)
VII	Chứng khoán đầu tư		71.858.054.609
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	8(a)	11.498.685.769
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	8(b)	62.755.500.000
3	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	8(a)	(2.396.131.160)
VIII	Góp vốn đầu tư dài hạn		10.150.000.000
4	Đầu tư dài hạn khác	9	10.150.000.000
IX	Tài sản cố định		21.821.412.720
1	Tài sản cố định hữu hình	10	4.521.333.588
a	Nguyên giá		6.514.233.003
b	Hao mòn tài sản cố định		(1.992.899.415)
2	Tài sản cố định vô hình	11	17.300.079.132
a	Nguyên giá		17.381.745.790
b	Hao mòn tài sản cố định		(81.666.658)
XI	Tài sản Có khác		606.089.439.599
1	Các khoản phải thu	12(a)	96.750.716.646
2	Các khoản lãi, phí phải thu		8.710.693.560
3	Tài sản có khác	12(b)	500.628.029.393
TỔNG TÀI SẢN CÓ			1.464.515.443.249

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

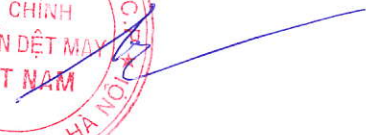
	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	13	814.200.000.000
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		593.000.000.000
2 Vay của các tổ chức tín dụng khác		221.200.000.000
III Tiền gửi của khách hàng	14	5.124.467.200
VII Các khoản nợ khác		128.867.864.803
1 Các khoản lãi, phí phải trả		4.085.168.984
2 Các khoản phải trả và công nợ khác	15	124.782.695.819
Tổng nợ phải trả		948.192.332.003
VII Vốn và các quỹ		
1 Vốn của tổ chức tín dụng		512.561.804.428
a Vốn điều lệ		500.000.000.000
b Thặng dư vốn cổ phần		12.561.804.428
2 Quỹ của tổ chức tín dụng		589.209.332
5 Lợi nhuận chưa phân phối		3.172.097.486
Tổng vốn chủ sở hữu	16	516.323.111.246
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.464.515.443.249

Người lập:


Phạm Đức Vinh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đăng Lợi
Tổng Giám đốc

25-04-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B03/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/12/2010 đến 31/12/2010 VNĐ
1 Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	17	9.319.104.721
2 Chi phí lãi và các chi phí tương tự	18	(4.690.425.066)
I Thu nhập lãi thuần		4.628.679.655
3 Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12(a)	1.590.410.958
4 Chi phí hoạt động dịch vụ		(9.966.879)
II Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		1.580.444.079
III Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		66.381.445
V Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	19	599.817.400
5 Thu nhập hoạt động khác		3.436.999
6 Chi phí hoạt động khác		-
VI Lãi thuần từ hoạt động khác		3.436.999
VIII Chi phí hoạt động	20	(1.069.410.590)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		5.809.348.988
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	7	(583.702.707)
XI Lợi nhuận trước thuế		5.225.646.281
7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		(1.297.584.070)
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	21	(1.297.584.070)
XIII Lợi nhuận sau thuế		3.928.062.211
XVI Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	75,22

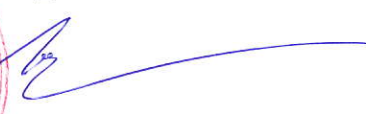
Người lập:


Phạm Đức Vinh
Kế toán Trưởng

25-04-2011

Người duyệt:




Nguyễn Đăng Lợi
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B04/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	11.396.082.091
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(8.376.842.500)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được – thuần	(9.966.879)
4	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	117.691.445
5	Thu nhập khác	3.436.999
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.016.919.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		2.113.481.232
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
12	Cho vay khách hàng	(3.258.045.643)
14	Tài sản hoạt động khác	14.219.907.406
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
16	Tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	355.300.000.000
20	Công nợ hoạt động khác	695.430.021
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(47.200.000)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	369.023.573.016
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	369.023.573.016
V	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	-
VII	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 22)	369.023.573.016

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Mẫu B04/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ**

Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty Tài chính Dệt May để xác định phần vốn góp của Nhà nước trong Công ty	320.480.340.000
Ghi nhận phần vốn và các quỹ còn lại của Công ty Tài chính Dệt May sau khi xác định phần vốn góp của Nhà nước vào các khoản phải trả	27.986.071.408
Ghi nhận phần vốn góp của các cổ đông khác từ tiền nộp mua cổ phần Công ty Tài chính Dệt May đã nhận trước khi chuyển thành công ty cổ phần	179.519.660.000

Người duyệt:

Người d
CÔNG TY
TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN DỆT MAY
VIỆT NAM
Đ. M.S.D.N: 0301518... C.T. Q.P.
Đ. ĐỒNG ĐÀ - NGHĨA HỒI

Nguyễn Đăng Lợi
TỔNG GIÁM ĐỐC

25 -04- 2011

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính này.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thành lập và hoạt động

Công ty Tài chính cổ phần Dệt May Việt Nam (“Công ty”) được chuyển đổi từ một công ty 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định 2042/QĐ-BCN ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 121/QĐ-TĐDMVN ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc điều chỉnh thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Tài chính Dệt May. Công ty được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 255/GP-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2010 với thời gian hoạt động là 50 năm.

Việc cổ phần hóa của Công ty Tài chính Dệt May được thực hiện theo Nghị định số 109/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2007 và Thông tư số 146/2007/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 12 năm 2007 về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Tập đoàn Dệt May Việt Nam chỉ đạo việc cổ phần hóa Công ty Tài chính Dệt May.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động huy động vốn với thời hạn trên một năm từ các tổ chức và cá nhân hoạt động tại Việt Nam, phát hành giấy tờ có giá, cho vay ủy thác, cho vay và đi vay các tổ chức tín dụng cho vay khách hàng và các hoạt động khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

(b) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301516782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 Đồng. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 Đồng

	31/12/2010	
	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	32.048.034	64,10%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc	8.932.885	17,87%
Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	5.500.000	11,00%
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức	3.450.000	6,90%
Các cổ đông khác	69.081	0,13%
	50.000.000	100%

(c) Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Công ty có trụ sở chính đặt tại 169-171 phố Chùa Láng, quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có một (1) hội sở chính và một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(d) **Số lượng nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 52 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 46 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính.

(a) **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ.

Mặc dù Công ty được chuyển đổi sang công ty cổ phần từ một công ty 100% vốn Nhà nước, theo Quy định tại Thông tư 106/2008/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Thông tư 106"), báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Công ty được thiết lập như là một doanh nghiệp mới. Theo đó, các tài sản và nợ phải trả của Công ty Tài chính Dệt May chuyển sang được ghi nhận là giao dịch phát sinh ngay đầu kỳ kế toán theo giá trị sổ sách phản ánh trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Công ty Tài chính Dệt May. Các giá trị tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 11 năm 2010 đã được điều chỉnh để ghi nhận các khoản chênh lệch từ việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa do một đơn vị tư vấn định giá độc lập thực hiện và được phê duyệt theo Quyết định số 48/QĐ-TĐDMVN ngày 10 tháng 2 năm 2010 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Phần giá trị tài sản thuần của Công ty Tài chính Dệt May không tính vào phần vốn Nhà nước góp vào Công ty được ghi nhận là khoản phải trả Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính này, việc quyết toán cổ phần hóa chưa hoàn tất. Do vậy, các điều chỉnh có thể phát sinh từ việc quyết toán cổ phần hóa của Công ty hiện nay chưa được xác định.

(b) **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán đầu tiên của Công ty là từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(c) Các giao dịch ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm số dư tiền mặt và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt, không có rủi ro trọng yếu trong những thay đổi về giá trị và được nắm giữ với mục đích đáp ứng nhu cầu chi trả tiền mặt ngắn hạn hơn là để đầu tư hay những mục đích khác. Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn không quá 3 tháng.

(e) Các khoản đầu tư

(i) Phân loại

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Công ty phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Công ty được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn và các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác tại ngày Công ty ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(iii) Đánh giá

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua bán các chứng khoán đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Theo Thông tư 12/2006/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 2 năm 2006, các tổ chức tín dụng cần lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư theo các quy định áp dụng cho các doanh nghiệp.

(iv) Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu của các khoản đầu tư.

(f) Cho vay khách hàng

Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 do NHNN ban hành (“Quyết định 493”) được sửa đổi và bổ sung bởi Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành (“Quyết định 18”) quy định rằng các tổ chức tín dụng phải trích lập một khoản dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước theo từng quý căn cứ vào xếp hạng cho các khoản cho vay. Theo đó, dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán, nếu là ngày 31 tháng 12, được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với các khoản cho vay khách hàng tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được chiết khấu:

	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nếu là ngày 31 tháng 12, tổ chức tín dụng cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư các khoản cho vay và ứng trước được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định 493 có hiệu lực.

Do giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty kể từ ngày thành lập, Công ty trích lập dự phòng cụ thể trên số dư cho vay khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và dự phòng chung trên số dư cho vay khách hàng tại đầu ngày 1 tháng 12 năm 2011

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Cũng theo Quyết định 493, các khoản cho vay và ứng trước được xóa sổ bằng dự phòng khi các khoản cho vay và ứng trước đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp) hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(g) Vốn ủy thác

Công ty ủy thác vốn cho bên thứ ba để thay mặt Công ty đầu tư và cho vay phù hợp với các điều kiện và điều khoản đã thỏa thuận trong các hợp đồng ủy thác. Vốn ủy thác được trình bày trên báo cáo tài chính là số thuần của giá trị ủy thác ban đầu trừ đi giá trị dự phòng đã trích lập.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------|
| • Nhà cửa và chi phí cải tạo | 25 năm |
| • Thiết bị văn phòng | 3 - 6 năm |
| • Phương tiện vận chuyển | 6 năm |
| • Tài sản khác | 2 năm |

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như đối với tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được phân bổ. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng đất.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(j) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(k) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được ghi nhận theo nguyên giá.

(l) Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập dựa trên cơ sở 3% quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội của Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(m) Vốn và các quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(iii) Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP của Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận trích quỹ, tối đa không vượt quá 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận trích quỹ, tối đa không vượt quá 25% vốn điều lệ của Công ty.

Các quỹ khác Công ty tạm trích từ lợi nhuận sau thuế theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị.

(n) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Công ty ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi dự thu của dư nợ được phân loại vào nhóm 1. Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 như được định nghĩa tại thuyết minh số 2(f) được ghi nhận khi Công ty thực thu lãi.

(ii) Thu nhập phí, hoa hồng

Thu nhập từ phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh.

(iii) Hỗ trợ lãi suất

Trong giai đoạn, Công ty thực hiện chủ trương của Chính phủ và NHNN về việc thực hiện hỗ trợ lãi suất, theo đó khách hàng đáp ứng đủ các điều kiện đề ra sẽ được hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay từ Công ty. Phần thu nhập lãi tương ứng lãi suất được hỗ trợ được ghi nhận là khoản phải thu từ Ngân sách Nhà nước.

(o) Chi phí lãi

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(r) Các bên liên quan

Các công ty liên quan bao gồm Vinatex và các công ty con cùng các công ty liên kết của Vinatex.

3. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

**31/12/2010
VNĐ**

Tiền mặt bằng VNĐ

281.335.043

4. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

**31/12/2010
VNĐ**

Tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc bằng VNĐ

210.518.925

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc (“DTBB”) và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về DTBB, Công ty được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản DTBB.

Số dư bình quân tiền gửi của Công ty tại NHNN không thấp hơn số tiền phải DTBB trong tháng. Số tiền DTBB trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải DTBB trong tháng nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng

Loại tiền gửi

31/12/2010

Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn từ 12 tháng trở lên

1%

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối kỳ như sau:

31/12/2010

Dự trữ bất buộc bằng VNĐ

1,2%

Tài khoản tiền gửi thanh toán bằng VNĐ

0%

5. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

31/12/2010
VNĐ

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ

9.021.762.822

Tiền gửi không kỳ hạn bằng Đô la Mỹ ("USD")

132.456.226

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ

359.377.500.000

368.531.719.048

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối kỳ như sau:

31/12/2010

Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ

2,40%

Tiền gửi không kỳ hạn bằng USD

0,20%

Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ

7,7% - 13,5%

6. Cho vay khách hàng

31/12/2010
VNĐ

Các khoản cho vay bằng VNĐ

389.443.737.644

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay khách hàng như sau:

31/12/2010
VNĐ

Nợ đủ tiêu chuẩn

386.847.880.494

Nợ nghi ngờ

2.595.857.150

389.443.737.644

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo thời gian như sau:

	31/12/2010 VNĐ
Ngắn hạn	330.510.546.454
Trung hạn	47.415.200.876
Dài hạn	11.517.990.314
	389.443.737.644

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2010 VNĐ
Doanh nghiệp Nhà nước	59.370.801.817
Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần	316.681.167.807
Cá nhân	13.391.768.020
	389.443.737.644

Phân tích dư nợ cho vay khách hàng theo ngành như sau:

	31/12/2010 VNĐ
Công nghiệp chế biến	350.056.172.683
Nông nghiệp và lâm nghiệp	2.500.000.000
Khác	36.887.564.961
	389.443.737.644

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2010
Các khoản cho vay và ứng trước bằng VNĐ	10,5% - 18%

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

7. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2010 VNĐ
Dự phòng chung	2.897.936.494
Dự phòng cụ thể	972.837.845
	3.870.774.339
Biến động dự phòng chung cho vay khách hàng như sau:	
	Giai đoạn từ 1/12/2010 đến 31/12/2010 VNĐ
Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa	2.897.936.494
Số dư cuối kỳ	2.897.936.494
Biến động dự phòng cụ thể cho vay khách hàng như sau:	
	Giai đoạn từ 1/12/2010 đến 31/12/2010 VNĐ
Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa	389.135.138
Trích lập dự phòng	583.702.707
Số dư cuối kỳ	972.837.845

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
 Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
 Thuyết minh báo cáo tài chính
 cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
 NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

8. Chứng khoán đầu tư

(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2010 VNĐ
Chứng khoán vốn	
Chứng khoán vốn do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	457.270.000
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	11.041.415.769
	11.498.685.769
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(2.396.131.160)
	9.102.554.609

Tình trạng niêm yết của chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	31/12/2010 VNĐ
Niêm yết	9.547.296.160
Chưa niêm yết	1.951.389.609
	11.498.685.769

Biến động dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	Giai đoạn từ 1/12/2010 đến 31/12/2010 VNĐ
Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa	2.944.638.560
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 19)	(608.712.500)
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 19)	60.205.100
Số dư cuối kỳ	2.396.131.160

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2010 VNĐ
Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	62.600.000.000
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	155.500.000
	62.755.500.000

Chứng khoán nợ trung và dài hạn, mệnh giá bằng VNĐ và có lãi suất từ 7% đến 13.5% một năm.

9. Góp vốn đầu tư dài hạn

Đây là khoản đầu tư vào chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội thuộc quản lý của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, một công ty được thành lập tại Việt Nam, chiếm 5% tổng vốn được phê duyệt của bên được đầu tư, Chứng chỉ quỹ này sẽ được hoàn trả vào ngày 9 tháng 10 năm 2014.

Theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, những chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường như chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng thì không được lập dự phòng giảm giá. Tuy Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội báo cáo lỗ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, do Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội là quỹ đóng và chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng nên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và chi phí cải tạo VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá					
Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa	4.223.785.110	759.670.674	1.507.140.855	23.636.364	6.514.233.003
Số dư cuối kỳ	4.223.785.110	759.670.674	1.507.140.855	23.636.364	6.514.233.003
Hao mòn tài sản cố định					
Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa	300.664.184	310.317.853	1.319.426.706	10.833.339	1.941.242.082
Hao mòn trong kỳ	15.381.719	10.147.239	25.143.526	984.849	51.657.333
Số dư cuối kỳ	316.045.903	320.465.092	1.344.570.232	11.818.188	1.992.899.415
Giá trị còn lại					
Số dư cuối kỳ	3.907.739.207	439.205.582	162.570.623	11.818.176	4.521.333.588

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất vô thời hạn VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá			
Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa	17.291.745.790	90.000.000	17.381.745.790
Số dư cuối kỳ	17.291.745.790	90.000.000	17.381.745.790
Hao mòn tài sản cố định			
Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa	-	80.833.325	80.833.325
Hao mòn trong kỳ	-	833.333	833.333
Số dư cuối kỳ	-	81.666.658	81.666.658
Giá trị còn lại			
Số dư cuối kỳ	17.291.745.790	8.333.342	17.300.079.132

12. Tài sản Có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2010 VNĐ
Phải thu từ Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	8.115.013.972
Các khoản tạm ứng và phải thu nội bộ	11.639.467
Cho vay theo ủy thác (Thuyết minh 15)	86.388.460.000
Lợi tức dự thu từ vốn ủy thác ngắn hạn	1.590.410.958
Các khoản phải thu khác	645.192.249
	96.750.716.646

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(b) Tài sản Có khác

	31/12/2010 VNĐ
Vốn ủy thác ngắn hạn cho các tổ chức kinh tế trong nước (*)	500.000.000.000
Tài sản Có khác	628.029.393
	500.628.029.393

(*) Thể hiện các khoản ủy thác không chỉ định mục đích cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Tín Phát, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Lợi nhuận ủy thác được đảm bảo, tính trên số tiền ủy thác và lợi suất ủy thác là 13,5% một năm trên số ngày ủy thác thực tế (theo cơ sở một năm có 365 ngày). Bên nhận ủy thác cam kết chịu hoàn toàn mọi rủi ro liên quan tới các khoản ủy thác và cam kết hoàn trả đầy đủ toàn bộ vốn ủy thác và lợi nhuận ủy thác theo đúng thời hạn của các hợp đồng ủy thác. Chi tiết các hợp đồng ủy thác như sau:

Số hợp đồng	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	VNĐ
01/UTĐT/TFC	Ngày 23 tháng 12 năm 2010	Ngày 21 tháng 12 năm 2011	90.000.000.000
02-241222010			
/UTĐT/TFC	Ngày 24 tháng 12 năm 2010	Ngày 21 tháng 12 năm 2011	85.000.000.000
03-241222010			
/UTĐT/TFC	Ngày 24 tháng 12 năm 2010	Ngày 21 tháng 12 năm 2011	40.000.000.000
02/UTĐT/TFC	Ngày 23 tháng 12 năm 2010	Ngày 21 tháng 12 năm 2011	80.000.000.000
03/UTĐT/TFC	Ngày 23 tháng 12 năm 2010	Ngày 21 tháng 12 năm 2011	70.000.000.000
04/UTĐT/TFC	Ngày 23 tháng 12 năm 2010	Ngày 21 tháng 12 năm 2011	60.000.000.000
01-241222010			
/UTĐT/TFC	Ngày 24 tháng 12 năm 2010	Ngày 21 tháng 12 năm 2011	75.000.000.000
			500.000.000.000

13. Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2010 VNĐ
Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác	
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	593.000.000.000
Vay các tổ chức tín dụng khác	
Tiền vay bằng VNĐ	221.200.000.000
	814.200.000.000

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2010
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	10,20% - 12%
Tiền vay bằng VNĐ	10,20% - 12%

14. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2010 VNĐ
Tiền gửi trung hạn của khách hàng bằng VNĐ	5.124.467.200

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2010 VNĐ
Các tổ chức kinh tế	5.000.000.000
Cá nhân	124.467.200
	5.124.467.200

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2010
Tiền gửi trung hạn bằng VNĐ	7,2% - 12%

15. Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2010 VNĐ
Phải trả Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa (a)	27.986.071.408
Phải trả công nhân viên	126.741.905
Dự phòng trợ cấp thôi việc	164.424.920
Nợ phải trả khác	1.383.273.349
Nhận ủy thác cho vay (b)	86.388.460.000
Doanh thu chờ phân bổ	4.837.500.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (c)	725.695.153
Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 24)	3.170.529.084
	124.782.695.819

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(a) Phải trả Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VND

Số dư vốn và các quỹ của Công ty Tài chính Dệt may tại ngày 30 tháng 11 năm 2010	349.072.550.617
<u>Trừ:</u> Quỹ khen thưởng phúc lợi chuyển sang khoản phải trả và công nợ khác (Thuyết minh 15 (c))	(606.139.760)
<u>Trừ:</u> Giá trị phần vốn Nhà nước khi cổ phần hóa (Thuyết minh 16(b))	(320.480.340.000)
Khác (làm tròn số)	551

Số dư tại ngày 31/12/2010

27.986.071.408

(b) Nhận ủy thác cho vay

Thể hiện khoản ủy thác đầu tư của Tập đoàn Dệt may Việt Nam chỉ định cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nhà nước một thành viên Dệt 8-3 vay. Thời hạn của hợp đồng ủy thác là từ 16 tháng 12 năm 2010 đến 16 tháng 11 năm 2011 (Thuyết minh 12(a)).

(c) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VND

Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa (Thuyết minh 15 (a))	606.139.760
Trích lập trong kỳ	166.755.393
Sử dụng trong kỳ	(47.200.000)

Số dư tại ngày 31/12/2010

725.695.153

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

16. Vốn và các quỹ

(a) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ		Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng các quỹ	VND
			VND	VND	VND	VND
Phát hành cổ phiếu	500.000.000.000	12.561.804.428	-	-	-	512.561.804.428
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	3.928.062.211	3.928.062.211
Trích lập các quỹ dự trữ	-	-	196.403.111	392.806.221	(589.209.332)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 15(c))	-	-	-	-	(166,755,393)	(166,755,393)
Số dư tại ngày 31/12/2010	500.000.000.000	12.561.804.428	196.403.111	392.806.221	3.172.097.486	516.323.111.246

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(b) Chi tiết các cổ đông của Công ty

31/12/2010
VNĐ

Cổ phiếu phổ thông

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Thuyết minh 15(a))	320.480.340.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Phúc	89.328.850.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	55.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức	34.500.000.000
Các cổ đông khác	690.810.000

500.000.000.000

Vốn cổ phần đã được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	50.000.000	500.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	500.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	500.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VNĐ.

(c) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

(i) **Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Lợi nhuận thuần	3.928.062.211
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	(166.755.393)

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông **3.761.306.818**

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) *Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông*

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Cổ phiếu phát hành trong kỳ

50.000.000

(iii) *Lãi cơ bản trên cổ phiếu*

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

75,22

17. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Từ tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

4.043.212.469

Từ cho vay khách hàng

4.605.782.663

Từ đầu tư chứng khoán nợ

670.109.589

9.319.104.721

18. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Từ tiền gửi của khách hàng

2.673.383.399

Từ tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác

2.017.041.667

4.690.425.066

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

19. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Cổ tức nhận được trong kỳ
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 8(a))
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 8(a))

51.310.000
608.712.500
(60.205.100)

599.817.400

20. Chi phí hoạt động

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Chi phí cho nhân viên (Thuyết minh 23)

587.107.070

Trong đó:

- Chi lương và phụ cấp
- Các khoản chi đóng góp theo lương
- Chi khác

516.354.905
30.200.165
40.552.000
158.059.407

Chi về tài sản

Trong đó:

- Khấu hao tài sản cố định

Chi cho hoạt động quản lý công vụ

52.490.666
324.244.113

Trong đó:

- Công tác phí

37.972.035

1.069.410.590

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

21. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

		Giai đoạn từ 1/12/2010 đến 31/12/2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế		5.225.646.281
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	25%	1.306.411.570
<i>Ảnh hưởng thuế của:</i>		
Thu nhập không chịu thuế	0,98%	(12.827.500)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,31%	4.000.000
	23,71%	1.297.584.070

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải trả thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

22. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	281.335.043
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	210.518.925
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	368.531.719.048
	369.023.573.016

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

23. Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Tổng số cán bộ nhân viên

52

Thu nhập của cán bộ

Lương và phụ cấp

Thu nhập khác

516.354.905
70.752.165

Tổng chi phí cho nhân viên (Thuyết minh 20)

587.107.070

Tiền lương bình quân tháng

9.929.902

Thu nhập bình quân tháng

11.290.521

24. Nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

	Công ty Tài chính Dệt may chuyển sang khi cổ phần hóa VNĐ	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại 31/12/2010 VNĐ
		Phải trả VNĐ	Đã trả VNĐ	
Thuế giá trị gia tăng	-	81.818	-	81.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.862.877.196	1.297.584.070	-	3.160.461.266
Thuế thu nhập cá nhân	81.911.404	10.670.600	82.596.004	9.986.000
	1.944.788.600	1.308.336.488	82.596.004	3.170.529.084

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

25. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Giai đoạn từ
1/12/2010 đến
31/12/2010
VNĐ

Tổng công ty Dệt may Việt Nam
Chi phí thuê văn phòng

110.415.546

Các đơn vị trong tập đoàn Vinatex
Lãi cho vay khách hàng

3.153.104.541

(b) Số dư với các bên liên quan

31/12/2010
VNĐ

Tổng công ty Dệt may Việt Nam
Các khoản phải trả cho Công ty mẹ
Tiền thuê nhà phải trả Công ty mẹ

115.011.616.918
218.934.666

Các đơn vị trong Tập đoàn Vinatex
Lãi phải thu
Cho vay khách hàng

3.178.500.108
366.945.261.848

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

27. Phê duyệt báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được Ban Điều hành phê chuẩn ngày 22 tháng 4 năm 2011.

Người lập:



Phạm Đức Vinh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Lợi
Tổng Giám đốc

25 -04- 2011

26. Quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà ban lãnh đạo sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Công ty dễ gặp phải là rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Công ty chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay và ứng trước cho khách hàng.

Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Công ty cố gắng chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo.

Rủi ro tín dụng chính mà Công ty gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Công ty. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có các đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác này sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng phát sinh theo khu vực và theo loại khách hàng liên quan đến các hoạt động đầu tư, cho vay và ứng trước. Công ty có rủi ro tập trung chủ yếu vào một số ngành kinh tế nhất định.

(b) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Công ty chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Công ty được phân loại theo thời hạn sớm hơn thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Ngày định giá lại tài sản và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác nhiều so với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mẫu B05/TCID
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Không chịu lãi suất VNĐ	Trong vòng 1 tháng VNĐ	Từ 1 đến 3 tháng VNĐ	Từ 3 đến 6 tháng VNĐ	Từ 6 đến 12 tháng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản						
I Tiền mặt, vàng, bạc, đá quý	281.335.043	-	-	-	-	281.335.043
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	210.518.925	-	-	-	210.518.925
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	129.154.219.048	239.377.500.000	-	-	368.531.719.048
VI Cho vay khách hàng – gộp	-	59.558.916.041	108.571.006.656	205.326.189.777	15.987.625.170	389.443.737.644
VII Chứng khoán đầu tư – gộp	11.498.685.769	-	-	-	62.600.000.000	74.098.685.769
VIII Góp vốn đầu tư dài hạn	10.150.000.000	-	-	-	-	10.150.000.000
IX Tài sản cố định	21.821.412.720	-	-	-	-	21.821.412.720
X Tài sản Có khác – gộp	19.700.979.599	-	-	-	586.388.460.000	606.089.439.599
Tổng tài sản Có	63.452.413.131	188.923.654.014	347.948.506.656	205.326.189.777	664.976.085.170	1.470.626.848.748
Nợ phải trả						
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	121.900.000.000	181.400.000.000	-	510.900.000.000	814.200.000.000
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	5.124.467.200	-	5.124.467.200
VII Các khoản nợ khác	41.753.709.650	-	-	-	86.388.460.000	128.142.169.650
Tổng nợ phải trả	41.753.709.650	121.900.000.000	181.400.000.000	5.124.467.200	597.288.460.000	947.466.636.850
Mức chênh lệch cam với lãi suất	21.698.703.481	67.023.654.014	166.548.506.656	200.201.722.577	67.687.625.170	523.160.211.898

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
 Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
 Thuyết minh báo cáo tài chính
 cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
 (Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
 NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
 Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá, Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VNĐ. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VNĐ và Đô la Mỹ dao động nhiều, Công ty đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Công ty và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Công ty sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

		Đồng VNĐ	Đô la Mỹ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
	Tài sản			
I	Tiền mặt, vàng, bạc, đá quý	281.335.043	-	281.335.043
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	210.518.925	-	210.518.925
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	368.399.262.822	132.456.226	368.531.719.048
VI	Cho vay khách hàng – gộp	389.443.737.644	-	389.443.737.644
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	74.098.685.769	-	74.098.685.769
VIII	Góp vốn đầu tư dài hạn	10.150.000.000	-	10.150.000.000
IX	Tài sản cố định	21.821.412.720	-	21.821.412.720
X	Tài sản Có khác – gộp	606.089.439.599	-	606.089.439.599
	Tổng tài sản Có	1.470.494.392.522	132.456.226	1.470.626.848.748
	Nợ phải trả			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	814.200.000.000	-	814.200.000.000
III	Tiền gửi của khách hàng	5.124.467.200	-	5.124.467.200
VII	Các khoản nợ khác	128.142.169.650	-	128.142.169.650
	Tổng nợ phải trả	947.466.636.850	-	947.466.636.850
		523.027.755.672	132.456.226	523.160.211.898

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-
NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

(ii) **Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá, Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là VNĐ. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VNĐ và Đô la Mỹ dao động nhiều, Công ty đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Công ty và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Công ty sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

		Đồng VNĐ	Đô la Mỹ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
	Tài sản			
I	Tiền mặt, vàng, bạc, đá quý	281.335.043	-	281.335.043
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	210.518.925	-	210.518.925
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	368.399.262.822	132.456.226	368.531.719.048
VI	Cho vay khách hàng – gộp	389.443.737.644	-	389.443.737.644
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	74.098.685.769	-	74.098.685.769
VIII	Góp vốn đầu tư dài hạn	10.150.000.000	-	10.150.000.000
IX	Tài sản cố định	21.821.412.720	-	21.821.412.720
X	Tài sản Có khác – gộp	606.089.439.599	-	606.089.439.599
	Tổng tài sản Có	1.470.494.392.522	132.456.226	1.470.626.848.748
	Nợ phải trả			
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	814.200.000.000	-	814.200.000.000
III	Tiền gửi của khách hàng	5.124.467.200	-	5.124.467.200
VII	Các khoản nợ khác	128.142.169.650	-	128.142.169.650
	Tổng nợ phải trả	947.466.636.850	-	947.466.636.850
		523.027.755.672	132.456.226	523.160.211.898

(iii) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là tình huống Công ty không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính của Công ty đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán của Công ty:

- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đến hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn.
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ như tài khoản tiền gửi thanh toán dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng nên được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay này có thể được quay vòng và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam

Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mẫu B05/TCCTD

(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

	Đến 1 tháng VNĐ	Từ 1 đến 3 tháng VNĐ	Từ 3 đến 12 tháng VNĐ	Từ 1 đến 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tài sản					
I Tiền mặt, vàng, bạc, đá quý	281.335.043	-	-	-	281.335.043
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	210.518.925	-	-	-	210.518.925
III Tiền gửi và cho vay					
các tổ chức tín dụng khác	9.154.219.048	120.000.000.000	239.377.500.000	-	368.531.719.048
VI Cho vay khách hàng - gộp	59.558.916.041	108.571.006.656	205.326.189.777	15.987.625.170	389.443.737.644
VII Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	11.498.685.769	62.600.000.000	74.098.685.769
VIII Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	10.150.000.000	10.150.000.000
IX Tài sản cố định	-	-	-	21.821.412.720	21.821.412.720
X Tài sản Có khác - gộp	19.700.979.599	-	586.388.460.000	-	606.089.439.599
Tổng tài sản Có	88.905.968.656	228.571.006.656	1.042.590.835.546	21.821.412.720	1.470.626.848.748
Nợ phải trả					
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	121.900.000.000	692.300.000.000	-	814.200.000.000
III Tiền gửi của khách hàng	-	5.000.000.000	124.467.200	-	5.124.467.200
VII Các khoản nợ khác	-	41.753.709.650	86.388.460.000	-	128.142.169.650
Tổng nợ phải trả	-	168.653.709.650	778.812.927.200	-	947.466.636.850
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	88.905.968.656	59.917.297.006	263.777.908.346	88.737.625.170	523.160.211.898

Công ty Tài chính Cổ phần Dệt may Việt Nam
Số 169-171 Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 12 năm 2010 (ngày thành lập)
đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD
(Ban hành theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN
ngày 18 tháng 4 năm 2007 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

27. Phê duyệt báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được Ban Điều hành phê chuẩn ngày 22 tháng 4 năm 2011.

Người lập:



Phạm Đức Vinh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Lợi
Tổng Giám đốc

25 -04- 2011